

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày: 08-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 7 năm 2020, ngày 04, ngày 05, ngày 07, ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1982.

Bà Trần Thị Kim C ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981.

Đều cùng địa chỉ: Tổ 10 (nay là tổ dân phố 04), phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị P, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 31/5 đường TĐ, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị P: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 21/7/2020), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Oai T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 31/5 đường Trương Định, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Oai T: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 21/7/2020), có mặt.

- Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/05/2019, văn bản sửa đổi, bổ sung các ngày 21/5/2019, ngày 05/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/6/2019, các bản trình bày ngày 21/5/2019, ngày 05/6/2019, biên bản đối chất ngày 07/8/2019, biên bản hòa giải ngày 15/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Kim C, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Vì bà Phan Thị Phi đã cố tình trì hoãn, không trả nợ cho bà Trần Thị Kim C số tiền 400.000.000 đồng, nội dung sự việc như sau:

Bà Phan Thị P là đồng nghiệp và cùng quê hương nên bà có cho bà P mượn tiền, cụ thể:

Ngày 29/11/2017, bà P mượn 350.000.000 đồng.

Ngày 12/3/2018, bà P mượn 50.000.000 đồng.

Bà P chủ động viết giấy mượn tiền và cam kết trả trong vòng 01 tháng kể từ ngày bà C thông báo cho bà P biết.

Ngày 31/7/2018, bà C có thông báo cho bà P biết là cần lấy lại số tiền đã mượn nhưng bà P không chịu trả.

Ngày 30/8/2018, bà Phan Thị P cùng chồng là ông Trần Oai T hẹn gặp bà C để xin trả nợ dần 20.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi hết nợ, lúc này chốt nợ vợ chồng bà P, ông T nợ là 430.000.000 đồng (nợ gốc 400.000.000 đồng có viết giấy mượn và 30 triệu đồng mà bà P mượn của ông H vào khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2018 không nhớ ngày mượn, mượn không có viết giấy nợ vì chỗ thân quen nên khi mượn số tiền không ghi giấy thì bà P đã trả trong số tiền 66.000.000 đồng, còn 36.000.000 đồng bà P trả trong giấy vay tiền, nên số tiền bà P mượn 30.000.000, bà P đã trả xong nên bà C, ông H không khởi kiện khoản vay 30.000.000 đồng này). Vì vợ chồng bà P, ông T cam kết chắc chắn nên bà đồng ý để bà P và ông T trả 20.000.000 đồng/01 tháng đến khi hết nợ. Dù đã cam kết như vậy, nhưng bà P và ông T không thực hiện đầy đủ, từ đó đến nay chỉ trả được 36.000.000 đồng, lúc thì bà P chuyển khoản, lúc thì vợ chồng bà P, ông T đến nhà trả tiền mặt, trong vòng 02 tháng gần đây (tháng 03/2019 và tháng 04/2019) chỉ trả được 3.000.000 đồng.

Ông T là chồng bà P, cả 02 người đang sống chung trong nhà, khi bà P viết giấy mượn tiền, ông T cũng có mặt và thống nhất mượn số tiền trên để làm ăn kinh doanh. Như vậy, tính đến nay vợ chồng bà P, ông T vẫn còn nợ bà 364.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc bà Phan Thị P và ông Trần Oai T phải trả lại cho bà tiền nợ gốc 364.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày mượn đến hết ngày 31/8/2018 các bên đã thỏa thuận, được xem là đã trả lãi xong. Tính tiền lãi phát sinh từ ngày 01/9/2018 đến ngày 17/6/2019 theo lãi suất/năm, cụ thể:

Tiền gốc (60.000.000 đồng x 5%/năm) : 360 ngày x 289 ngày (tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 17/6/2019) = 2.408.333 đồng.

Tiền gốc (290.000.000 đồng x 9%/năm) : 360 ngày x 289 ngày (tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 17/6/2019) = 20.952.500 đồng.

Tiền gốc 14.000.000 đồng, khoản tiền gốc này không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng bà Phan Thị P và ông Trần Oai T phải trả cả gốc và lãi là 387.360.833 đồng. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 18/6/2019 với mức lãi suất như trên cho đến khi Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết xong vụ án. Không đồng ý theo đơn khởi kiện yêu cầu phản tố của bà P, yêu cầu trả 27.387.500 đồng.

Sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi triệu tập làm việc giữa bà C, ông Nguyễn Quốc H với bà Phan Thị P, thì đến ngày 18/12/2019

giữa bà, ông Nguyễn Quốc H với bà Phan Thị P đã thỏa thuận: Vào ngày 29/11/2017 tôi (P) có viết giấy mượn tiền của bà Trần Thị Kim C số tiền 350.000.000 đồng, trong đó 60.000.000 đồng lãi suất 5%/năm, 290.000.000 đồng lãi suất 9%/năm. Đến ngày 12/3/2018 bà P mượn bà Kim C 50.000.000 đồng không lãi suất. Tổng cộng bà P mượn của bà C là: 400.000.000 đồng, kể từ đó đến nay bà P đã trả tổng số tiền là 214.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại là: 186.000.000 đồng, số tiền lãi là 58.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ là 244.000.000 đồng và sau đó lại thỏa thuận bà P và bà C, ông H thống nhất bà P nợ lại số tiền là 266.000.000 đồng, bà P hoàn trả số tiền trên, các bên không thắc mắc. Đến ngày 11/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi có bản kết thúc điều tra số 31/KTĐT ngày 11/02/2020, xét thấy hành vi của bà Trần Thị Kim C không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Vì vậy, nay bà yêu cầu buộc bà Phan Thị P, ông Trần Oai T phải trả lại cho bà số tiền 266.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Trong các bản trình bày ngày 15/7/2019, biên bản đối chất ngày 07/8/2019, biên bản hòa giải ngày 15/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Phan Thị P, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Giữa bà P và vợ chồng bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc H có mối quan hệ quen biết. Từ năm 2015, bà P có mượn tiền của bà Trần Thị Kim C trả gốc, lãi theo hàng tháng, có lúc trả tiền trực tiếp cho bà C nhận, có lúc chuyển tiền gốc lãi cho bà C qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Tháng 08/2018 bị người khác chiếm dụng vốn với số tiền khá lớn làm cho bà gặp khó khăn, do đó nên việc trả tiền gốc, lãi cho bà C, ông H không được thuận lợi.

Việc bà vay tiền của bà C do chính bản thân bà trực tiếp viết giấy mượn tiền và trực tiếp giao dịch với bà C, ông H, việc này không có liên quan đến ông Trần Oai T (chồng bà), ông T không hề hay biết, bà viết giấy mượn tiền và cũng không có giao dịch tham gia của ông T nên trong đơn khởi kiện bà C ghi ông Trần Oai T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, bà vay tiền thì có nghĩa vụ trả nợ tiền. Tại đơn khởi kiện bà C khởi kiện yêu cầu bà phải trả gốc và lãi là 387.360.833 đồng, nay bà C yêu cầu bà phải trả nợ là 266.000.00 đồng (khoảng tiền này hai bên đã tính toán đi đến thống nhất tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi), thì bà đồng ý trả nợ cho bà C. Bà không đồng ý việc bà C yêu cầu bà và ông Trần Oai T phải trả nợ, vì ông T không liên quan đến số nợ này.

Ngày 03/10/2019, bà P có đơn yêu cầu phản tố buộc bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ trả lại tiền lãi cho bà P mà bà P đã trả với số tiền là 27.387.500 đồng. Ngày 24/10/2019 bà P có đơn rút lại toàn bộ đơn yêu cầu phản tố.

Trong văn bản ngày 29/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H trình bày: Việc vợ ông (bà Trần Thị Kim C) cho vợ chồng bà P vay tiền theo giấy vay tiền ngày 29/11/2017 ông hoàn toàn không biết. Khi đó vợ ông đòi nợ mãi mà bà P vẫn không trả mới cho ông biết sự thật. Vào cuối tháng 8/2018 vợ chồng ông gặp vợ chồng bà P nói chuyện hẹn trả nợ. Ông thống nhất như lời trình bày của bà C.

Trong các văn bản ngày 11/7/2019, ngày 15/10/2019, ngày 16/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Oai T, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Bà Phan Thị P là vợ ông, trong việc vay tiền giữa giữa bà P và bà

Trần Thị Kim C ông không tham gia, không có liên quan nên không chịu trách nhiệm trả nợ cho bà C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

- Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Xác định đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền theo Điều 35, 39 của BLTTDS.

- Về thời hạn gọi thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định tố tụng: Đúng quy định.

- Về thời hạn cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng: Đúng quy định;

- Về thu thập chứng cứ: Đúng quy định của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán chấp hành đúng quy định.

- Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ thời điểm thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn: Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quốc H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73 BLTTDS. Ông Trần Oai T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73 BLTTDS (vắng mặt tại buổi đối chất ngày 07/8/2019).

+ Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 85, Điều 86 BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C. Buộc bà Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả nợ tiền cho bà Trần Thị Kim C 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C về việc buộc ông Trần Oai T cùng bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả nợ tiền cho bà Trần Thị Kim C 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Phan Thị P.
Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị Kim C yêu cầu bà Phan Thị P và ông Trần Oai T phải trả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/6/2019 là 387.360.833 đồng và ghi địa chỉ của bị đơn bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T là số 34/5 Trương Định, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Sau đó nguyên đơn bà Trần Thị Kim C chỉ yêu cầu bà Phan Thị P, ông Trần Oai T trả số tiền 266.000.000 đồng và sửa đổi lại địa chỉ của bị đơn bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Oai T là số 31/5 Trương Định, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cho chính xác. Việc thay đổi của nguyên đơn bà C là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Kim C và bà Phan Thị P có mối quan hệ quen biết với nhau, theo bà C trình bày thì bà P vay tiền bà C vào ngày 29/11/2017 số tiền 350.000.000 đồng (trong đó 60.000.000 đồng lãi 5%/năm, 290.000.000 đồng lãi 9%/năm và vay vào ngày 12/3/2018 số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng, bà P cam kết khi cần bà C báo trước 01 tháng bà P sẽ trả tiền nhưng sau đó bà P không trả theo cam kết.

Xét giấy mượn tiền ghi ngày 29/11/2017 và ngày 12/03/2018 có nội dung “Tôi Phan Thị P có mượn của bà Trần Thị Kim C, tôi mượn tiền để làm ăn với số tiền 350.00.000 đồng, trong đó 60.000.000 đồng lãi 5 chấm, 290.000.000 đồng lãi 9 chấm. Khi nào cần bà báo trước tôi 01 tháng, tôi hoàn trả tiền trên. Ngày 12/3/2018 vay 50.000.000 đồng” thì thấy rằng đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất.

Ngày 18/12/2019, giữa vợ chồng bà C, ông H với bà P có viết giấy thỏa thuận, trong giấy thỏa thuận nêu rõ bà P đã trả cho vợ chồng bà C số tiền 214.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 186.000.000 đồng, tiền lãi là 58.000.000 đồng. Ngoài ra, tại giấy thỏa thuận này vợ chồng bà C và bà P thống nhất số tiền bà P còn nợ lại là 266.000.000 đồng. Như vậy, bà C yêu cầu bà P trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện cũng như tại các biên bản hòa giải bà C yêu cầu ông Trần Oai T (là chồng bà P) phải có trách nhiệm cùng bà P trả khoản nợ này. Theo bà C và ông H, giấy mượn tiền ngày 29/11/2017 tuy chỉ có bà P viết và ký nhưng ông T vẫn có mặt và thống nhất mượn số tiền trên để làm ăn kinh doanh, tại thời điểm tháng 8/2018 ông T có cùng bà P gặp bà C để sắp xếp việc trả nợ nên ông T có biết việc vay mượn này. Sau khi tạm ngừng phiên tòa, vợ chồng bà C cung cấp một số hình ảnh cho rằng bà P mượn tiền để mua xe kinh doanh chở khách tuyến Quảng Ngãi – Đà Nẵng.

Bà P và ông T đều cho rằng việc vay mượn này chỉ do một mình bà P vay mượn, không liên quan đến ông T. Mặt khác, tại thời điểm bà P mượn tiền của bà C thì ông T đang làm việc tại Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, có thu nhập ổn định. Như vậy, không đủ căn cứ để xác định ông T và bà P cùng thỏa thuận, thống

nhất mượn số tiền nêu trên để kinh doanh, việc bà P mượn tiền để kinh doanh không phải phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình mà là nghĩa vụ riêng của bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ để buộc ông T cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà C.

Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền 266.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả số tiền 266.000.000 đồng cho bà Trần Thị Kim C.

[3] Ngày 03/10/2019 bà Phan Thị P có đơn yêu cầu phản tố buộc bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ trả lại tiền lãi cho bà P mà bà P đã trả với số tiền là 27.387.500 đồng. Ngày 24/10/2019 bà P có đơn rút lại toàn bộ đơn yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà P đã rút.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì bị đơn bà Phan Thị P phải chịu 266.000.000 đồng x 5% = 13.300.000 đồng nhưng được khấu trừ 565.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002991 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi còn phải nộp là 12.735.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim C 9.684.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001333 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Với những nhận định trên phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C. Buộc bà Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả nợ tiền cho bà Trần Thị Kim C 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C về việc buộc ông Trần Oai T cùng bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả nợ tiền cho bà Trần Thị Kim C 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phan Thị P đã rút.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị P phải chịu 266.000.000 đồng x 5% = 13.300.000 đồng nhưng được khấu trừ 565.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002991 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi còn phải nộp là 12.735.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim C 9.684.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001333 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng